

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày 22-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V (sau đây viết tắt là V)

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2 Tòa nhà S, số 111A đường P, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N – Cán bộ V, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2726519 ngày 11/7/2019). Có mặt.

- Bị đơn:

1. Chị Tô Thị Thu H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 16B/105 phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Anh Vũ Duy L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xã D, huyện M, tỉnh H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Đình D (Tô Phi D), sinh năm 1945

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949

Cùng cư trú: Xóm 11, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L vay vốn tại Ngân hàng V – Phòng giao dịch T theo hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 với số tiền vay: 1.000.000.000đồng (*Một tỷ đồng chẵn*); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ; lãi suất vay: Theo quy định của V và phù hợp với quy định của pháp luật; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc: Thời hạn trả nợ gốc của từng món vay không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ của mỗi khế ước; trả nợ lãi: Hàng tháng, vào ngày 01 hàng tháng. V đã giải ngân cho bên vay là bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L theo khế ước nhận nợ số 177A.01/KUNN-VIB32/12 ngày 31/8/2012 với số tiền: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng 735 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc Thửa đất số 930, Tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283594, số vào sổ: H/02343 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2008 cho chủ sử dụng là ông Tô Phi D và vợ là Nguyễn Thị H1. Tài sản trên đã được các bên giao kết theo Hợp đồng thế chấp số 1063/2011/017/BĐ ngày 29/11/2011, số công chứng: 8291.CNV/2011.TCQSDĐ&TS; quyền số 05.AP.TP/CC-SCC/HĐGD tại trụ sở văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng.

Quá trình thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012, bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 28/02/2013. V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bà H và ông L, nhưng bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V. Tổng dư nợ của bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L tính đến ngày 22/11/2019 là: 2.694.677.427 đồng, trong đó: Nợ gốc: 980.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 59.086.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.655.391.105 đồng (các khoản tiền lãi này được V tính trên số dư nợ gốc). Vì vậy, V yêu cầu Tòa án:

1. Buộc bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L phải trả ngay cho V số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 là: 2.694.677.427 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L trả hết nợ cho V.

2. Trong trường hợp bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L không trả nợ cho V, đề nghị Tòa án tuyên V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 735 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 930, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283594; số vào sổ: H/02343 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2008 cho chủ sử dụng là ông Tô Phi D và vợ là Nguyễn Thị H1.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn - bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 với V vay số tiền là 1.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh như người đại diện hợp pháp của V đã trình bày tại phiên tòa. Tuy nhiên, sau khi nhận nợ, do việc làm ăn không được thuận lợi nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V, không thực hiện đúng những nội dung mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012. Vì vậy, toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển thành nợ quá hạn. Bị đơn xác nhận tính đến ngày 22/11/2019, bị đơn còn nợ của V số tiền nợ gốc là 980.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 59.086.322 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.655.391.105 đồng đúng như người đại diện hợp pháp của V đã trình bày tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông L cho rằng khoản nợ của ông và bà H vi phạm nghĩa vụ từ năm 2013, nhưng V không thông báo cho ông về việc khoản nợ vay đó bị quá hạn, mà vẫn tiếp tục tính lãi đến năm 2019 mới khởi kiện ra Tòa để khoản tiền lãi quá hạn lên đến hơn 1,6 tỷ đồng. Còn bà H có ý kiến: Sau khi khoản vay chuyển sang quá hạn, năm 2014 V có thông báo cho bà biết về việc này nên bà đã nhờ bố mẹ để là ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1 hàng tháng trả cho V số tiền 5.000.000 đồng. Bố mẹ bà đã được trả hộ cho được 04 - 05 tháng, sau đó thì không tiếp tục trả nữa và cũng không thấy V đôn đốc trả nợ bằng việc gửi thông báo hay điện thoại cho bà. Mãi đến đầu năm 2019, V mới gửi thông báo nợ quá hạn và xuống làm việc với bà, thì lúc đó khoản tiền lãi quá hạn đã lên đến hơn 1,6 tỷ đồng. Vì vậy, bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1. Bị đơn đồng ý trả cho V số tiền nợ gốc là 980.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 59.086.322 đồng và đề nghị V miễn cho bị đơn toàn bộ số tiền nợ lãi quá hạn là 1.655.391.105 đồng, vì mức lãi suất quá hạn mà nguyên đơn áp dụng quá cao so với mức lãi suất cho vay hiện hành, mặt khác hiện tại bị đơn rất khó khăn do làm ăn kinh doanh thua lỗ nên không có khả năng trả nợ.

2. Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu của V là: “Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn - bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V”. Vì khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn từ năm 2013, trường hợp bị đơn không trả nợ được lẽ ra V phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ ngay, thời điểm đó tổng dư nợ gốc, lãi của bị đơn chỉ khoảng 01 tỷ đồng, mà tài sản thế chấp V thẩm định khi cho vay có giá là 1.764.000.000 đồng nên vẫn còn dư so với nghĩa vụ của bị đơn đối với V.

3. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 29/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị Tô Thị Thu H và anh Vũ Duy L là con gái và con rể của ông bà. Năm 2012, chị H và anh L có ký Hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 với V để vay vốn kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông bà đã dùng tài sản chung của mình là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 930, Tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283594; số vào sổ: H/02343 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2008 cho chủ sử dụng là ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1 để thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp số 1063/2011/017/BĐ ngày 29/11/2011. Ông bà là người quản lý, sử dụng tài sản này từ trước thời điểm thế chấp đến nay và không có tranh chấp với ai ngoài việc thế chấp tại V để cho chị H và anh L vay tiền. Ông bà nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ mà Tòa án đã tiến hành vào ngày 01/10/2019. Trường hợp chị H và anh L không trả được nợ cho V, ông bà đồng ý để cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp số 1063/2011/017/BĐ ngày 29/11/2011.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với đề nghị miễn trả lãi của bị đơn, vì sau khi khoản vay của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn, nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn biết bằng việc gửi thông báo nợ quá hạn và gọi điện thoại cho chị H, nhưng bị đơn vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ; còn đối với anh L do thay đổi địa chỉ và số điện thoại nhưng không thông báo cho nguyên đơn nên nguyên đơn không thể liên lạc được với anh L. Đồng thời, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù biết rõ bị đơn không có khả năng trả nợ, nhưng cũng không tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn để xử lý thu hồi nợ. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 01 tháng 10 năm 2019 đối với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc Thửa đất số 930, Tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283594; số vào sổ: H/02343 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2008 cho chủ sử dụng là ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1. Qua khảo sát đo đạc, diện tích đất thực tế là 784,5m² lớn hơn so với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã T và người thế chấp là ông D

và bà H1, thời điểm nhà nước đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông D và bà H1 được thực hiện thủ công, đo bằng tay nên số đo không chính xác so với việc đo bằng máy mà Tòa án đã tiến hành, thực tế gia đình ông D và bà H1 đã sử dụng diện tích đất này từ nhiều năm nay và không có tranh chấp về mốc giới với các hộ liên kề.

Tại biên bản xác minh đối với các hộ liên kề thửa đất của ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1, cũng xác nhận ông D và bà H1 đã sử dụng diện tích đất này từ nhiều năm nay và họ cũng không có tranh chấp với ông D và bà H1 về mốc giới.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của V về việc yêu cầu bà H và ông L phải trả số tiền nợ gốc là 980.200.000 đồng, lãi trong hạn là 59.086.322 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.655.391.105 đồng. Ông L và bà H vẫn phải tiếp tục trả cho V tiền lãi quá hạn tính trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L không trả nợ cho V, đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 735 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 930, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283594; số vào sổ: H/02343 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2008 cho chủ sử dụng là ông Tô Phi D và vợ là Nguyễn Thị H1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V.

Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Một trong các bị đơn là chị Tô Thị Thu H, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án có nơi cư trú tại số nhà 16B/105 phố T, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải

Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập là ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy, căn cứ vào bảng kê giải ngân, thu nợ, tính lãi đối với khoản vay của này do V giao nộp cho Tòa án, bị đơn trả nợ lần cuối cho V vào ngày 21/10/2015 sau đó không tiếp tục trả nữa. Đến ngày 21/5/2019, V đã gửi thông báo nợ quá hạn cho chị H và ngày 03/9/2019 V đã lập biên bản làm việc với chị H, chị H xác nhận còn nợ của V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/7/2019 là 2.603.296.435 đồng. Về phía anh L, tại phiên tòa cũng thừa nhận không còn sống cùng nhà với chị H, anh L đã thay đổi địa chỉ và không sử dụng số điện thoại như đã ghi trong hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 nhưng không thông báo cho V biết; do đó việc V không thể liên lạc được với anh L là có căn cứ. Như vậy, theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại và Điều 157 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án này vẫn còn.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 22/11/2019 là: 2.694.677.427 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc: 980.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 59.086.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.655.391.105 đồng) và khoản tiền lãi tính trên nợ gốc kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng tín dụng số 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 giữa V – Phòng Giao dịch T với bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ... phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 31 tháng 8 năm 2012, V - Phòng Giao dịch T đã giải ngân cho ông L và bà H số tiền 1.000.000.000 đồng theo phương thức chuyển khoản, bà Tô Thị Thu H đã cam kết nhận nợ đối với số tiền trên tại Khế ước nhận nợ số: 177A.01/KUNN-VIB32/12 ngày 31/8/2012. Ông L và bà H cũng xác nhận tính đến ngày 22/11/2019 còn nợ của V số tiền là: 2.694.677.427 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc: 980.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 59.086.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.655.391.105 đồng). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H và ông L cho rằng mức lãi suất quá hạn mà V áp dụng đối với ông bà là quá cao so với mức lãi suất cho vay hiện hành, Hội đồng xét xử thấy tại Hợp đồng tín dụng số: 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 và Khế ước nhận nợ số: 177A.01/KUNN-VIB32/12 ngày 31/8/2012, các bên thỏa thuận Lãi suất vay 03 tháng đầu là 14,5%/năm, từ tháng thứ 4 thay đổi theo quy định của V và phù hợp với quy định của pháp luật (theo Quyết định số 743/2011/QĐ-VIB ngày 04/3/2011 về

việc: Chính sách lãi biên tối thiểu và Biên độ sinh lời tối thiểu của Tổng giám đốc V thì từ tháng thứ 4 lãi suất vay sẽ là 16,5%/năm); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay. Thỏa thuận này của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngày 28/02/2013 khoản vay của ông L và bà H chuyển nợ quá hạn, lãi suất vay tại thời điểm này được tính là 16,5%/năm nên lãi suất nợ quá hạn sẽ bằng 24,75%/năm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của V về việc buộc ông L và bà H phải thanh toán cho V số tiền nợ gốc là: 980.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 59.086.322 đồng; số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1.655.391.105 đồng, tổng cộng: 2.694.677.427 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L tiếp tục phải thanh toán cho V tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 và Khế ước nhận nợ số: 177A.01/KUNN-VIB32/12 ngày 31/8/2012 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm – ngày 23/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn là bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L không thanh toán được khoản nợ cho V, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1063/2011/017/BĐ ngày 29/11/2011 được công chứng tại trụ sở Văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng, số công chứng: 8291.CNV/2011.TCQSDĐ&TS; quyển số 05.AP.TP/CC-SCC/HĐGD giữa V với bên thế chấp tài sản là ông Tô Phi D, bà Nguyễn Thị H1 và bên vay là bà Tô Thị Thu H, ông Vũ Duy L được ký trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực; các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người thế chấp và không có tranh chấp với ai; trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các điều 342, 343 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010; Điều 4 và Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, V yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh L và chị H không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn - bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V. Xét yêu cầu này của V là phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp và

thỏa thuận của các bên tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1063/2011/017/BĐ ngày 29/11/2011 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 92, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 124, 342, 343, 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

1. Buộc bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là: 980.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 59.086.322 đồng; số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 1.655.391.105 đồng; tổng cộng: 2.694.677.427 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng) theo Hợp đồng tín dụng 177A/HĐTD1- VIB32/12 ngày 17/05/2012 và Khế ước nhận nợ số: 177A.01/KUNN-VIB32/12 ngày 31/8/2012.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/11/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 930, Tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ xã T, huyện T, thành phố

Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283594; số vào sổ: H/02343 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2008 cho chủ sử dụng là ông Tô Phi D và bà Nguyễn Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp số 1063/2011/017/BĐ ngày 29/11/2011, số công chứng: 8291.CNV/2011.TCQSĐĐ&TS; quyền số 05.AP.TP/CC-SCC/HĐGD tại trụ sở văn phòng công chứng A – thành phố Hải Phòng.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tô Thị Thu H và ông Vũ Duy L phải chịu 85.893.548 đồng (Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005253 ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng là 42.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

